



Số: 0301(5)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH**
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Vi khí hậu, tiếng ồn
Ngày quan trắc : 29/11/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K18 – K19/06/29.11.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Nhiệt độ ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0 ÷ 60°C
2	Độ ẩm ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	15 ÷ 95 %RH
3	Tốc độ gió ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,1 ÷ 40 m/s
4	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
Đơn vị	-	dBA	°C	%	m/s
1. Khu vực làm việc (sảnh lễ tân)	14h35	57,0	27,6	60,8	0,58
2. Khu vực nhà bếp	14h45	59,8	30,3	62,6	0,44
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 65	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT	-	-	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5

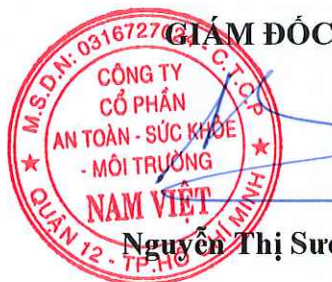
Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(5)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
– TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày lấy mẫu : 29/11/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K18 – K19/06/29.11.2024

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	SO ₂ ^(a)	TCVN 5971: 1995	10,0 µg/m ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Vị trí lấy mẫu	SO ₂
Đơn vị	mg/m ³
1. Khu vực làm việc (sảnh lễ tân)	KPH
2. Khu vực nhà bếp	KPH
QCVN 03:2019/BYT ^(**)	5

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(**): Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (8 giờ/ ngày)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(5)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH**
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại đầu vào hệ thống xử lý nước sinh hoạt
Ngày lấy mẫu : 29/11/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT12/06/29.11.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,5°C)	-	7,18	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	53,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	122,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	53,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
5	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	2,40	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
6	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
7	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	5,91	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
8	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	4,66	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	3,83	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	4.300	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**


Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(5)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
– TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại cửa xả nước thải
Ngày lấy mẫu : 29/11/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT13/06/29.11.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,7°C)	-	7,07	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	35,8	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	58,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	30,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
5	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	1,00	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
6	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
7	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	0,84	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
8	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	0,98	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,41	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	3.200	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(5)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH**
Địa chỉ : **Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau**
Loại mẫu : **Nước thải tại điểm cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải trước khi thải vào nguồn tiếp nhận**
Ngày lấy mẫu : **29/11/2024** Lần ban hành : **01**
Mã số mẫu : **NT14/06/29.11.2024**

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,5°C)	-	7,09	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	24,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	62,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	22,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	0,07	12	SMEWW 4500 - NH ₃ .B&F:2017
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	0,91	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,36	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,60	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.600	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	Không đo được	-	-	IST-HD22

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận, ^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHOMHO, Vincerts 239)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(5)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
– **TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH**
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước mặt cách vị trí xả thải 50 m
Ngày lấy mẫu : 29/11/2024
Mã số mẫu : NM1/06/29.11.2024
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT		Phương pháp phân tích
					Bảng 1	Bảng 2 Mức D	
1	pH ^{(a)(*)} (29,6°C)	-	6,97	2 ÷ 12	-	< 6,0 hoặc >8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	25,7	1,0	-	> 10	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	34,0	3,0	-	> 20	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	24,0	4,0	-	> 100	TCVN 6625:2000
5	Sulfat (SO ₄ ²⁻) ^(A)	mg/L	445	3,00	-	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ -E:2023
6	Tổng dầu, mỡ ^(a)	mg/L	KPH	0,30	5,0	-	SMEWW 5520.B:2017
7	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	0,07	0,3	-	SMEWW 4500 - NH ₃ .B&F:2017
8	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	0,11	0,03	-	-	TCVN 6180:1996
9	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	KPH	0,03	-	-	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	0,1	-	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	1.300	2	-	> 7.500	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHONHO, Vimcerts 239)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(11)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Ánh sáng
Ngày quan trắc : 29/11/2024
Lần ban hành : 01

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp xác định
1	Ánh sáng(*)	TCVN 5176:1990

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ ĐO ÁNH SÁNG

Điểm đo	Ánh sáng
Đơn vị	Lux
1. Khu vực làm việc (sảnh lễ tân)	428
2. Khu vực nhà bếp	569
QCVN 22:2016/BYT	≥ 300

Ghi chú:

(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- 2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- 3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.